

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Bùi Thị Quỳnh Nga
ngabui@phs.vn

KINH TẾ VƯỢT BÃO, SẴN SÀNG CÁN ĐÍCH MỤC TIÊU NĂM

- Tăng trưởng GDP Q3 của Việt Nam đạt 7.4% YoY & qua đó lũy kế 9 tháng đạt 6.8%, tiếp tục gây bất ngờ so với dự báo chung của thị trường mặc dù bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều phức tạp, nền kinh tế trong nước vẫn còn bị ảnh hưởng bởi cả những yếu tố bên ngoài lẫn nội tại bên trong của nền kinh tế.
- Trong 2/3 thời gian của Q3, hoạt động xuất nhập khẩu liên tục thiết lập các kỷ lục mới, qua đó thúc đẩy sản xuất trong nước tăng trưởng mạnh mẽ. Trong khi đó, hoạt động đầu tư, đặc biệt là từ khu vực FDI cũng tiếp tục có nhiều khởi sắc ấn tượng trong Q3.
- Tính đến tháng 9, tăng trưởng tín dụng đạt 9% - cao svck các năm trước và chỉ thấp hơn năm 2022.
- Bối cảnh chính sách kinh tế toàn cầu hiện nay tạo cho Chính phủ và NHNN Việt Nam nhiều dư địa hơn để triển khai các chính sách nới lỏng, hỗ trợ nền kinh tế. Chính phủ cũng xác định năm 2024 là năm tăng tốc và đột phá, có ý nghĩa quan trọng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Quý 4 cũng là thời điểm mà Chính phủ, NHNN và các bộ ngành tập trung nhất vào việc thúc đẩy giải ngân. Do đó, PHS tin tưởng rằng tăng trưởng kinh tế năm 2024 sẽ tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng trên 6.5% trong khi lạm phát vẫn được kiểm soát chặt chẽ.

GDP GDP Quý 3/2024 đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng - 7.4% svck năm trước, gây bất ngờ so với dự báo chung của toàn thị trường. Trong đó, khu vực Công nghiệp và xây dựng tiếp tục cho thấy vai trò đầu tàu dẫn dắt tăng trưởng của toàn nền kinh tế trở lại bên cạnh khu vực dịch vụ.

CPI CPI tháng 9 tăng 2.63% svck & bình quân 9 tháng tăng 3.88%. PHS dự báo CPI tháng 10 dự kiến sẽ tăng 0.2% so với tháng trước & tăng 2.75% svck do hiệu ứng tăng giá ở các mặt hàng lương thực thực phẩm vẫn còn khi nguồn cung ở khu vực phía Bắc vẫn chưa thể sớm hồi phục. Qua đó CPI bình quân ước tăng 3.76%, tiếp tục xu hướng giảm. Triển vọng lạm phát cả năm 2024 vẫn duy trì ổn định dưới mục tiêu của Chính phủ đề ra, quanh 3.6-3.7%.

Doanh số bán lẻ Giá cả hàng hóa tăng sau giai đoạn bão lũ cùng với nhu cầu tăng cao trong giai đoạn đầu tháng đã khiến cho tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 tăng 1.2% so với tháng trước & tăng 7.6% svck - mức thấp nhất kể từ đầu năm đến nay do sự sụt giảm của nhóm Du lịch. Lũy kế 9 tháng năm 2024, tăng trưởng bán lẻ vẫn chưa đạt kỳ vọng của chúng tôi.

IIP ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng trong Quý 3 (10% YoY), đáng chú ý là hoạt động sản xuất cải thiện liên tục qua các quý. Tuy nhiên, PMI ngành sản xuất của Việt Nam đã giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm trong tháng 9, đạt 47.3, báo hiệu các điều kiện kinh doanh suy giảm trở lại vào thời điểm cuối Quý 3 của năm, sau khi đã có một giai đoạn tăng trưởng mạnh trước đó. Tuy nhiên, sự gián đoạn này theo chúng tôi chỉ là tạm thời.

Hoạt động xuất nhập khẩu trong tháng 9 bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão Yagi. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9 chỉ đạt 34.2 tỷ USD, giảm gần 10% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 11.1% svck năm trước. Mặc dù

mức kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9 là thấp nhất trong giai đoạn Quý 3 nhưng so với bình quân 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9 vẫn tăng 7.6%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong tháng 9 ghi nhận mức tăng đột phá, với tổng vốn đăng ký đạt 4.26 tỷ USD, mức cao nhất kể từ đầu năm đến nay; và vốn FDI thực hiện trong tháng 9 đạt 3.19 tỷ USD – mức kỷ lục từ trước đến nay. PHS duy trì mục tiêu tích cực với dòng vốn FDI vào Việt Nam, phần đầu cả năm lượng vốn FDI giải ngân tại Việt Nam đạt 24.6 tỷ USD.

Chi đầu tư công trong tháng 9 có nhiều cải thiện với mức giải ngân hơn 47 nghìn tỷ đồng – cao gấp 1.37 lần so với mức bình quân 8 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, lũy kế 9 tháng 2024, chi đầu tư công chỉ mới đạt 47.3% kế hoạch và giảm 11.8% svck năm trước. Thu ngân sách nhà nước vượt kế hoạch trong khi chi tiêu công giảm svck năm 2023, dẫn đến ngân sách tiếp tục đạt thặng dư cao – 191.9 nghìn tỷ, tạo dư địa cho Chính phủ tiếp tục thực hiện các chính sách tài khóa mở rộng trong năm 2024 như các chính sách miễn, giảm, giảm thuế, nhất là trong bối cảnh các ngành, lĩnh vực chịu thiệt hại do cơn bão Yagi để lại.

Bảng 1: Tình hình kinh tế Việt Nam

Chỉ số	ĐVT	2023A	Apr-24	May-24	Jun-24	Jul-24	Aug-24	Sep-24
GDP	%YoY	5.1			6.9			7.4
CPI	%YoY	3.3	4.4	4.4	4.3	4.4	3.5	2.6
Bán lẻ	%YoY	9.6	8.5	8.7	8.6	8.7	8.5	8.8
Xuất khẩu	%YoY	-4.5	11.7	15.1	17.0	19.6	15.9	11.1
Nhập khẩu	%YoY	-9.1	19.9	25.9	18.9	25.8	15.6	10.0
CCTM	Tỷ USD	28.3	1.2	-0.4	3.2	2.7	4.1	2.2
FDI thực hiện	Tỷ USD	23.2	1.7	2.0	2.6	1.7	1.6	3.2
IIP	%YTD YoY	1.5	6.0	6.8	7.7	8.5	8.6	8.6
PMI sản xuất		48.9	50.3	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3

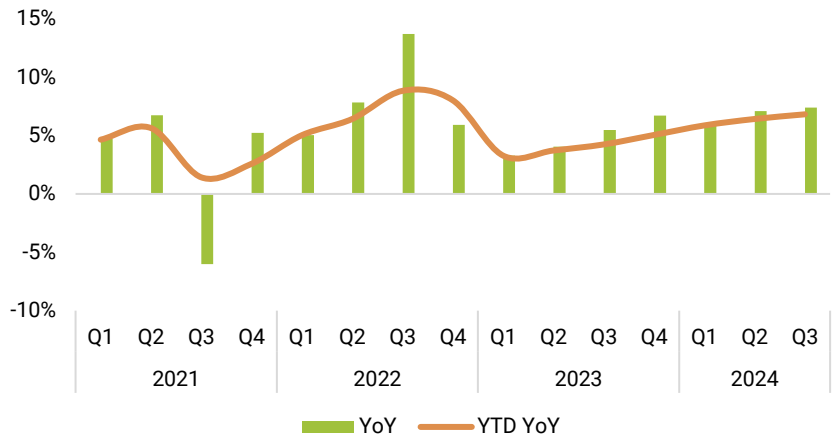
Nguồn: PHS tổng hợp

Tăng trưởng GDP Quý 3/2024 tiếp tục vượt kỳ vọng.

Mặc dù cuối Quý 3/2024 kinh tế Việt Nam đối mặt với những khó khăn do cơn bão Yagi để lại nhưng nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh trong 2 tháng đầu Quý 3 GDP Quý 3/2024 đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng 7.4% svck, gây bất ngờ so với dự báo chung của toàn thị trường.

Khu vực Công nghiệp & xây dựng cùng với khu vực Dịch vụ tiếp tục cho thấy vai trò đầu tàu dẫn dắt tăng trưởng của toàn nền kinh tế với mức tăng trưởng lần lượt 9.1% & 7.5% svck. Trong đó, có thể thấy nhờ lượng đơn hàng phục hồi, hoạt động sản xuất chế biến chế tạo đã trở thành điểm sáng với mức tăng cao nhất kể từ 2018, đạt hơn 11.4%.

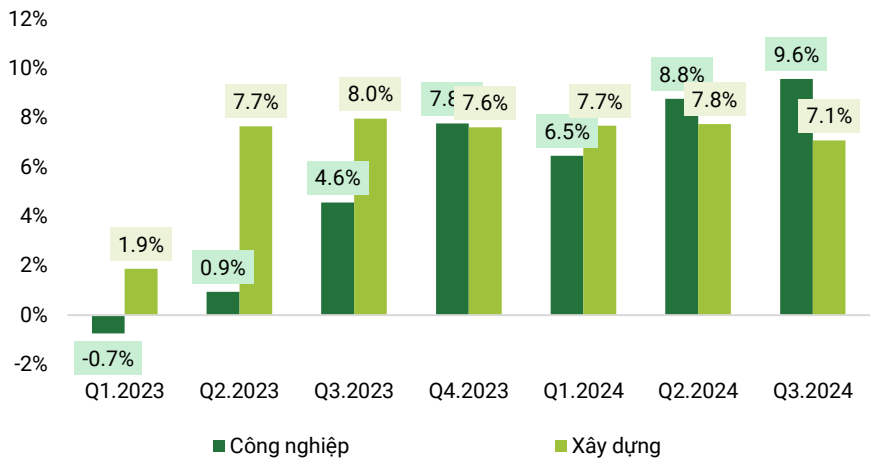
Hình 1: GDP (%YoY)



Tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước đã giúp tăng trưởng 9 tháng đầu năm 2024 ghi nhận được những thành tựu vô cùng tích cực. Giai đoạn Quý 4 cũng sẽ là thời điểm Chính phủ, NHNN và các Bộ ngành liên quan tập trung nhiều nhất trong việc đẩy mạnh các hoạt động giải ngân đầu tư công, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, phục hồi kinh tế,.. Cùng với đó, PHS cũng kỳ vọng khu vực Dịch vụ sẽ tiếp tục được đẩy mạnh nhờ khách du lịch tăng trưởng tốt trở lại trong giai đoạn Quý 4. Do đó, PHS tự tin rằng tăng trưởng kinh tế trong Quý 4 và cả năm 2024 sẽ tiếp tục ghi nhận được mức tăng trưởng tích cực trên 6.5%.

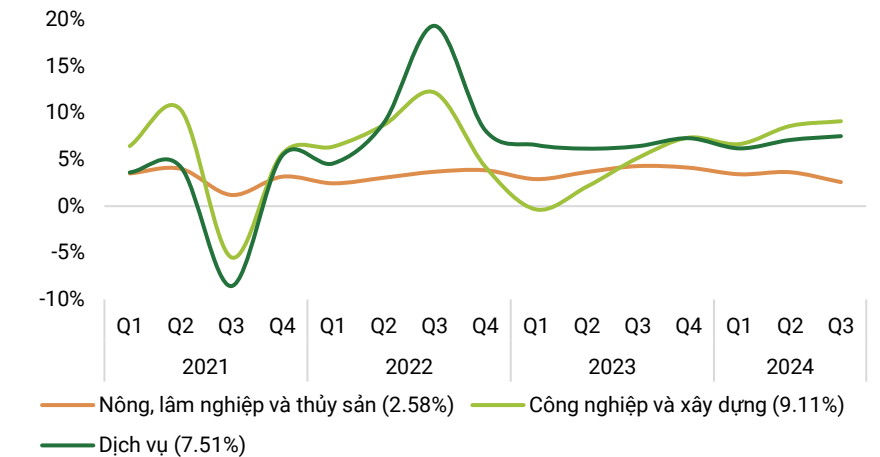
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 2: Tăng trưởng của nhóm Công nghiệp và Xây dựng (%YoY)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

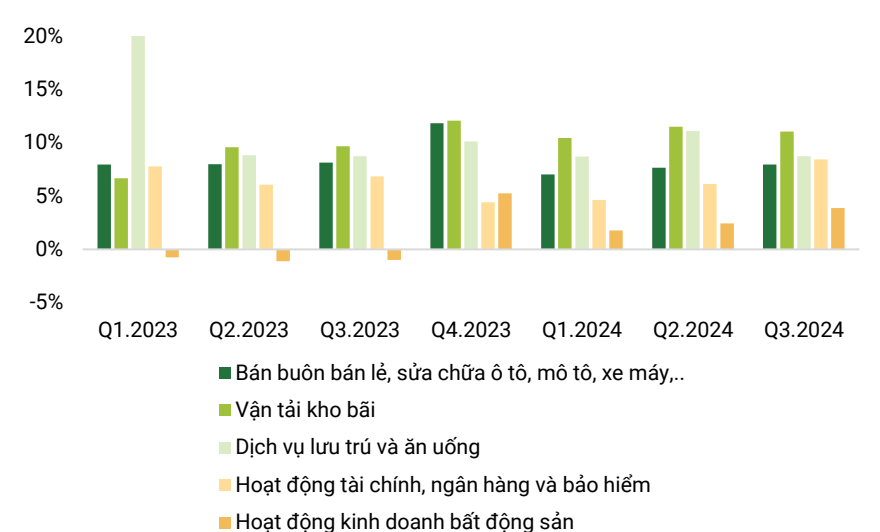
Ngược lại, khu vực Nông, lâm nghiệp & thủy sản chỉ tăng 2.58% và chỉ đóng góp 4% trong tổng tăng trưởng nền kinh tế. Chúng tôi thấy rằng ngoài ảnh hưởng của bão Yagi, hoạt động nông nghiệp trong nước suy yếu còn vì diện tích gieo trồng giảm nhẹ -0.4% svck. Thực tế, hiệu quả kinh tế của nhóm cây lương thực không cao, ngược lại, thị trường xuất khẩu các mặt hàng trái cây (sầu riêng, thanh long, xoài,...) đang dần mở rộng và thuận lợi đã thúc đẩy xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Hình 3: Tăng trưởng GDP theo từng thành phần (%YoY)


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Sự hồi phục mạnh mẽ của nhóm Ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm trong Quý 3 với mức tăng trưởng 8.4% svck năm trước – mức cao nhất từ đầu năm 2023 đến nay - là một trong những yếu tố đã hỗ trợ cho mức tăng trưởng của nhóm Dịch vụ trong GDP chung. Tính đến ngày 30/09, tín dụng đã tăng 9% so với đầu năm. Trước đó, theo số liệu của NHNN, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế tính đến ngày 17/09/2024 chỉ mới đạt 7.38% so với cuối năm 2023 và mới chỉ đạt 6.63% vào cuối tháng 8. Như vậy, chỉ riêng trong tháng 9, tăng trưởng tín dụng đã tăng thêm gần 2.4%. Thông thường, tín dụng sẽ tăng mạnh vào những tháng cuối năm, do đó mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% trong năm nay theo chúng tôi đánh giá là toàn toàn khả thi. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh bất động sản mặc dù vẫn còn yếu nhưng cũng đang cho thấy sự cải thiện qua từng quý.

Tăng trưởng của nhóm ngành Dịch vụ lưu trú ăn uống có phần chậm lại so với Quý 2 do yếu tố mùa vụ. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong Quý 3 giảm gần 7.6% so với Quý 2 sau khi qua giai đoạn cao điểm nhưng mức tăng trưởng vẫn tăng đến 8.5% svck. Do đó, nó vẫn đóng góp đáng kể vào mức tăng của GDP chung và chỉ sau mức tăng của nhóm Vận tải kho bãi.

Hình 4: Tăng trưởng các thành phần chính trong nhóm Dịch vụ (%YoY)


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Lũy kế 9 tháng, GDP tăng 6.82% svck năm trước. Đây là mức tăng khá ấn tượng trong cùng kỳ giai đoạn 2020-2024. Chỉ đứng sau năm 2022 khi nền kinh tế mới hồi phục sau đại dịch.

Bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục phức tạp, kinh tế trong nước cũng chịu ảnh hưởng bởi những yếu tố bất lợi bên ngoài tuy nhiên các kết quả đạt được vẫn rất tích cực. Tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước đã giúp tăng trưởng 9 tháng đầu năm 2024 ghi nhận được những thành tựu vô cùng tích cực. Giai đoạn Quý 4 cũng sẽ là thời điểm Chính phủ, NHNN và các Bộ ngành liên quan tập trung nhiều nhất trong việc đẩy mạnh các hoạt động giải ngân đầu tư công, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, phục hồi kinh tế,.. Cùng với đó, PHS cũng kỳ vọng khu vực Dịch vụ sẽ tiếp tục được đẩy mạnh nhờ khách du lịch tăng trưởng tốt trở lại trong Quý 4. Do đó, PHS tự tin rằng tăng trưởng kinh tế trong Quý 4 và cả năm 2024 sẽ tiếp tục ghi nhận được mức tăng trưởng tích cực lần lượt trên 6.0% và 6.5%.












Lạm phát duy trì dưới mục tiêu đề ra của Chính phủ

Mặc dù giá điện được điều chỉnh vào những ngày đầu cuối Quý 4 sẽ phần nào gây áp lực lên chi phí đầu vào, đầu ra của hàng hóa nhưng PHS cho rằng mức độ ảnh hưởng là tương đối thấp và lạm phát bình quân cả năm của Việt Nam trong năm 2024 vẫn nằm dưới mục tiêu đề ra của Chính phủ, duy trì quanh 3.6-3.7% svck năm trước.

CPI tháng 9 tăng 0.28% so với tháng trước. Giá lương thực, thực phẩm tăng cao tại các tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng trực tiếp bởi bão Yagi cùng với nhu cầu tăng cao từ đầu tháng do dịp lễ 02/09 và giai đoạn nhập học năm học mới. Nguồn cung giá gạo, giá thịt lợn, thịt gia cầm, thủy sản, rau củ quả bị thu hẹp do ảnh hưởng của thời tiết mưa bão, ngập lụt ở khu vực phía Bắc đã khiến giá các mặt hàng này tăng nhẹ. Cùng với đó, giá dịch vụ giáo dục cũng tăng theo chu kỳ khi bước vào năm học mới, học phí và nhu cầu đối với các mặt hàng đồ dùng học tập đều tăng lên.

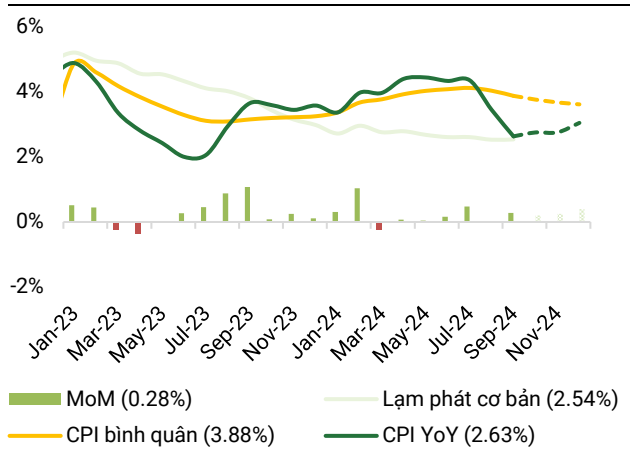
Ở chiều ngược lại, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm do nhu cầu du lịch không còn cao như những tháng cao điểm, nên các công ty du lịch thực hiện các chương trình khuyến mãi hấp dẫn để kích cầu, tập trung chủ yếu ở các nhóm giá dịch vụ du lịch trong nước, khách sạn,...Nhóm giao thông tiếp tục giảm do giá xăng, dầu trong nước liên tiếp điều chỉnh giảm theo giá thế giới.

So với cùng kỳ năm trước, lạm phát tăng 2.63%, giảm mạnh từ mức đỉnh 4.4% trong tháng 7.

										
0.9%	0.0%	0.2%	0.5%	0.1%	0.0%	-2.8%	0.1%	2.1%	-0.2%	0.2%

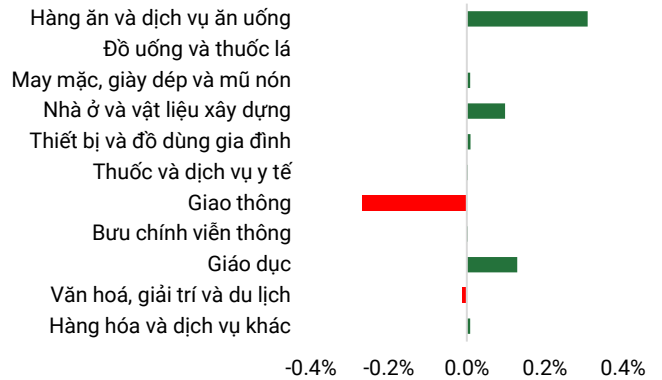
CPI bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 3.88% Xu hướng của lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng giảm dần về cuối năm do yếu tố nền cao năm ngoái và giá cả hàng hóa duy trì ổn định trong bối cảnh các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Mỹ & EU đối mặt với nguy cơ tăng trưởng kém khả quan.

Hình 5: Chỉ số CPI theo tháng



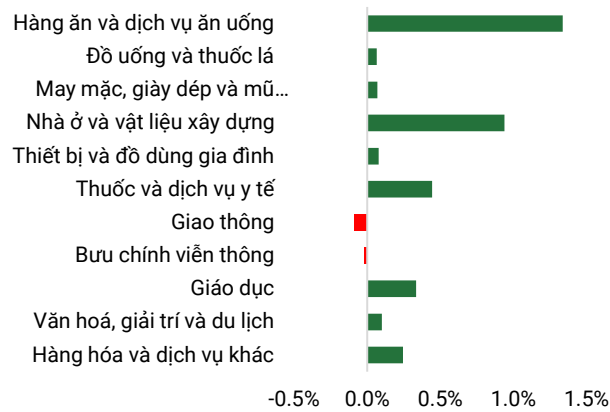
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 6: Biến động chỉ số CPI trong tháng 09/24 so với tháng 8 theo tỷ trọng.



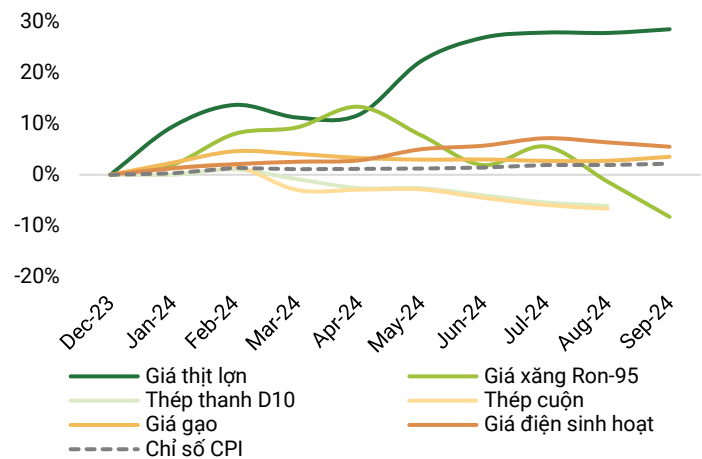
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 7: Biến động chỉ số CPI trong Quý 3 svck năm trước.



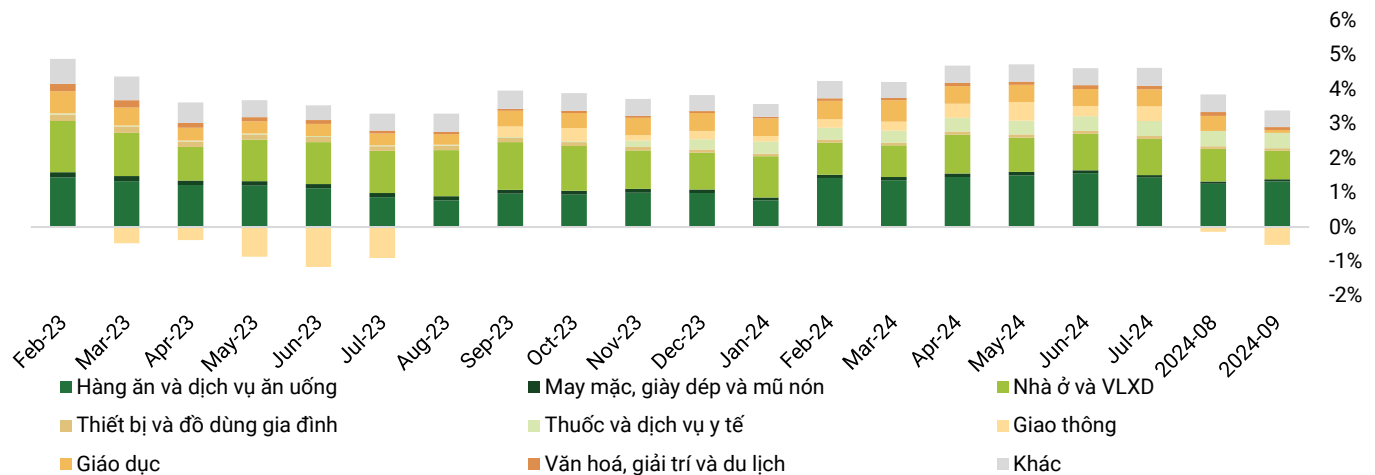
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 8: Biến động giá của các ngành hàng chính trong rổ tính CPI so với thời điểm tháng 12/2023 (%)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 9: Đóng góp vào lạm phát YoY (%)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Ngày 11/10, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã tăng giá bán lẻ điện bình quân 4.8% so với giá hiện hành lên hơn 2.103 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). 2 lý do chính cho việc điều chỉnh giá bán điện là: (1) giá bán bình quân thực tế đã biến động trên 3% (theo Quyết định 05, về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, có hiệu lực từ 26/3, giá điện được điều chỉnh khi giá bán điện bình quân tăng từ 3% trở lên so với mức hiện hành); (2) Nhằm giải quyết vấn đề tài chính cho EVN.

Với giá điện bán ra của năm 2023, tập đoàn này đang bán dưới mức giá thành sản xuất kinh doanh là 6.92%. Việc điều chỉnh giá điện nhằm mục tiêu phục vụ cho sự phát triển dài hạn của nguồn điện trong tương lai. Tuy nhiên, đi kèm với đó, việc tăng giá điện cũng sẽ kéo theo những phản ứng liên quan đến lạm phát. Điện vốn là mặt hàng đặc biệt, được sử dụng nhiều, ảnh hưởng lớn tới đời sống và sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là trong giai đoạn cuối năm, dự báo nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất và tiêu dùng sẽ tiếp tục tăng mạnh, có thể phần nào gây áp lực lên lạm phát. Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 10% sẽ tác động làm CPI tăng 0.33 điểm phần trăm. Thực tế, đây cũng là thời điểm thích hợp điều chỉnh giá điện mà không ảnh hưởng nhiều đến lạm phát nhờ vào mức nền rất cao của năm ngoái. Do đó, mặc dù điều chỉnh tăng nhưng CPI dự báo cả năm 2024F vẫn trong kịch bản tích cực dưới 4%.

Tính đến thời điểm hiện tại PHS vẫn tin rằng áp lực lạm phát không phải là vấn đề đáng lo ngại của Chính phủ và NHNN trong năm nay. Cùng với đó, áp lực tỷ giá duy trì xu hướng hạ nhiệt sau khi Fed hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 9 vừa qua cũng sẽ mở đường cho Chính phủ và NHNN thực hiện các chính sách tiền tệ và tài khóa mở rộng hơn nữa nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cả năm đạt được các mục tiêu cao đề ra của Chính phủ. CPI tháng 10 dự kiến sẽ tăng 0.2% so với tháng trước do hiệu ứng tăng giá ở các mặt hàng lương thực thực phẩm vẫn còn khi nguồn cung ở khu vực phía Bắc vẫn chưa thể sớm hồi phục, tương đương với mức tăng 2.75% svck. Bình quân 10 tháng, CPI tăng 3.76% và tiếp tục xu hướng giảm. Lạm phát bình quân cả năm của Việt Nam dự kiến trong năm 2024 vẫn nằm dưới mục tiêu đề ra của Chính phủ, duy trì quanh 3.6-3.7% svck.

Bán lẻ vẫn thấp hơn kỳ vọng

Giá cả hàng hóa tăng sau giai đoạn bão lũ cùng với nhu cầu tăng cao trong giai đoạn đầu tháng đã khiến cho tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 tăng 1.2% so với tháng trước. Svck năm trước, tổng mức bán lẻ tăng 7.6% - mức thấp nhất kể từ đầu năm đến nay do sự sụt giảm của nhóm Du lịch (Hình 11). Lượng khách du lịch đến Việt Nam đạt 1.27 triệu lượt người trong tháng 9 giảm 11.9% so với tháng trước một phần do sự sụt giảm từ lượng khách đến từ Trung Quốc sau kỳ nghỉ Hè, cùng với đó tình hình bão lũ ở khu vực phía Bắc cũng làm gián đoạn các tour du lịch và đặt phòng khách sạn. Theo đó, doanh số của nhóm Lưu trú và ăn uống cũng giảm từ mức 9.7% svck năm trước trong tháng 8 xuống còn 7.9% trong tháng 9.

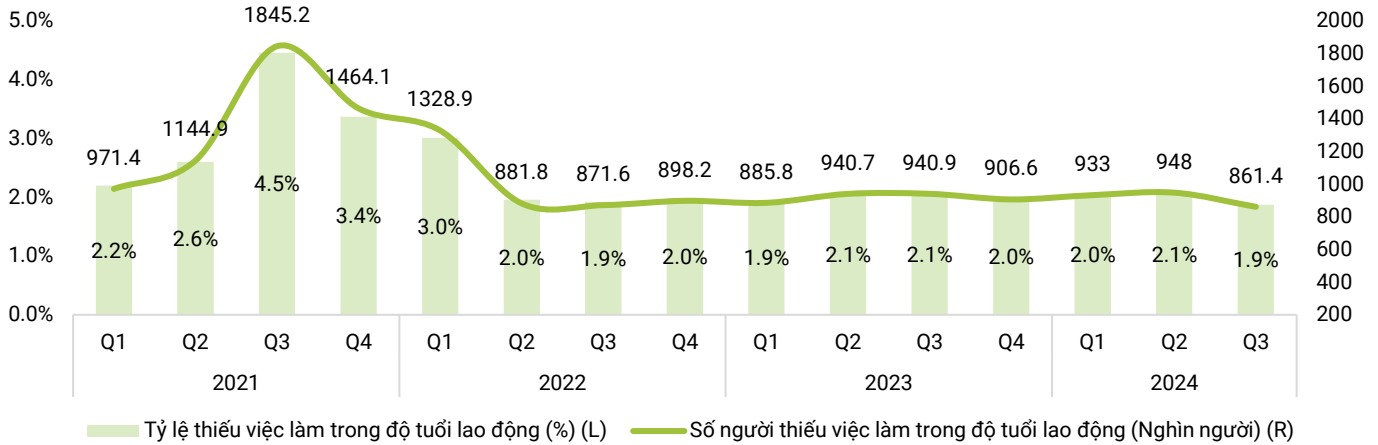
Ngược lại, doanh số bán hàng hóa ổn định, tăng 10.6% svck năm trước khi người dân miền Bắc đổ xô đi mua nhu yếu phẩm trước bão và nhu cầu chi tiêu cao trong những ngày đầu tháng do nghỉ lễ 2/9 dài ngày. Thiệt hại do bão Yagi sẽ phần nào tác động đến tài sản sản, thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình trong ngắn hạn. Tuy nhiên, Chúng tôi nhận thấy các giai đoạn gần đây, phản ứng chính sách từ Chính phủ & NHNN rất linh hoạt và nhanh

PHS vẫn tin rằng doanh số bán lẻ trong Quý 4 dự kiến sẽ tốt hơn so với Quý 3 ở cả tiêu dùng nội địa lẫn khách du lịch do mùa cao điểm lễ hội cuối năm. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam có thể hồi phục trở lại quanh 1.6-1.7 triệu lượt khách/ hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế GDP cả nước. Do đó, PHS dự báo tăng trưởng bán lẻ trong tháng 10 sẽ tiếp tục duy trì quanh mức 1-1.5% so với tháng 9, tương đương với mức tăng 7.4% svck.

chóng để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp khắc phục khó khăn và khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, chúng tôi cũng kỳ vọng các hoạt động sản xuất và chi tiêu không bị gián đoạn.

Thị trường lao động tiếp tục cho thấy nhiều dấu hiệu tích cực, củng cố cho hoạt động chi tiêu trong nước ổn định trong thời gian tới. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm xuống mức thấp nhất trong 4 năm trở lại đây, cùng với đó số lượng người thiếu việc làm tính theo nghìn người cũng giảm xuống mức thấp nhất trong 4 năm.

Hình 10: Thiếu việc làm trong độ tuổi lao động (%YoY).

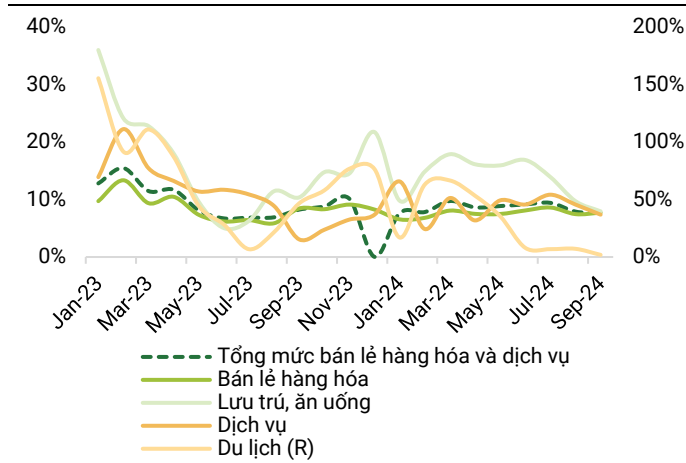


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Lũy kế 9 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 4.703,4 nghìn tỷ đồng, tăng 8.8% svck năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 10.1%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5.8% (cùng kỳ năm 2023 tăng 7.6%). **Tốc độ tăng trưởng bán lẻ 9 tháng năm 2024 chưa đạt được mức tăng trưởng như như PHS kỳ vọng và vẫn cần các cú huých đột phá.**

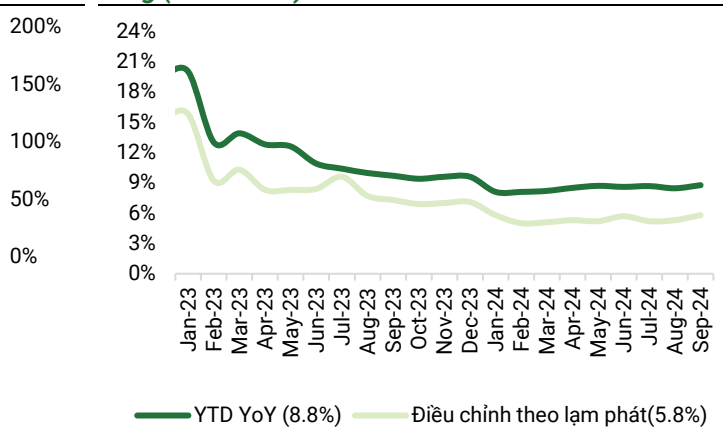
Tiêu dùng nội địa đang là 1 trong 3 trụ cột của tăng trưởng kinh tế. Do đó, để kích cầu thị trường tiêu dùng trong nước, chúng tôi thấy rằng các Bộ ngành Chính phủ, đặc biệt là Bộ Công thương đã và đang tiếp tục đẩy mạnh nhiều chương trình khuyến mại cuối năm từ cấp độ Quốc gia cho đến từng địa phương. Từ đó, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của cả nước.

Hình 11: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (%YoY)



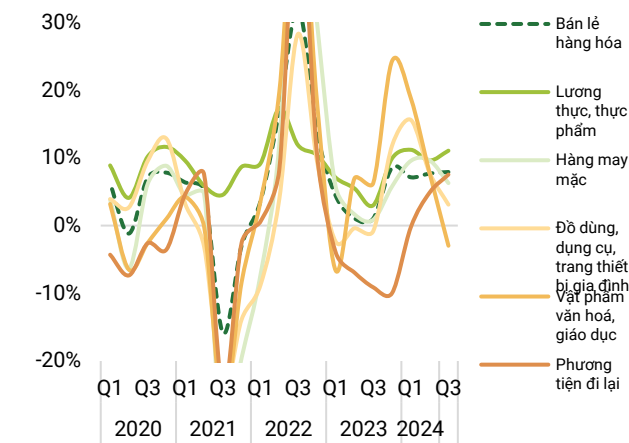
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 12: Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (%YTD YoY).



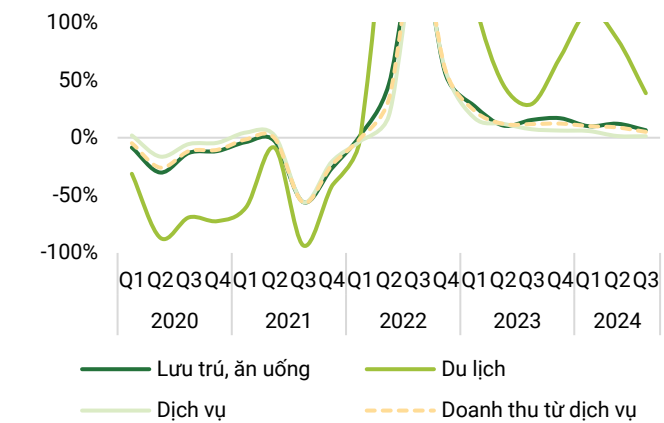
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 13: Tăng trưởng lũy kế của các nhóm sản phẩm, hàng hóa chính trong tổng mức bán lẻ hàng hóa (% YoY)



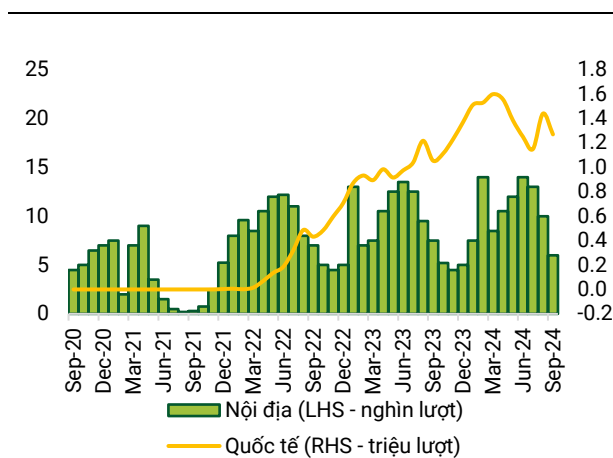
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 14: Tăng trưởng lũy kế của các thành phần chi tiết trong tổng mức bán lẻ từ dịch vụ (%YoY)



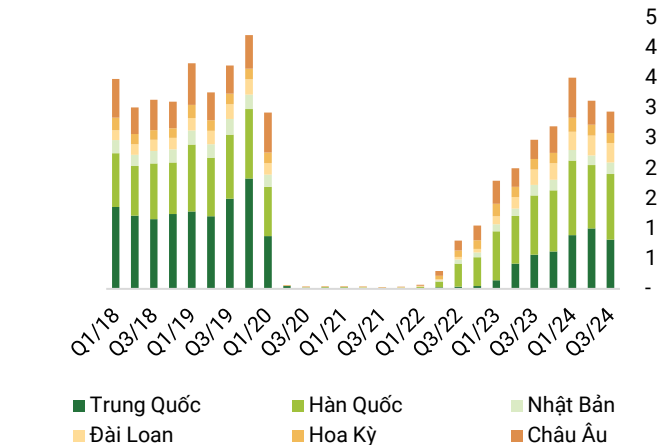
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 15: Tổng lượt khách du lịch.



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 16: Khách du lịch từ các quốc gia chính (triệu lượt người).



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Tốc độ tăng trưởng bán lẻ 9 tháng đầu năm vẫn còn yếu phản ánh khó khăn của các hộ gia đình khi việc làm và thu nhập vẫn còn bị ảnh hưởng, niềm tin

tiêu dùng giảm sút, người dân vẫn thắt chặt chi tiêu, tiết kiệm nhiều hơn và trì hoãn các khoản mua sắm dành cho các loại hàng hóa không thiết yếu. Tuy nhiên, PHS vẫn tin rằng doanh số bán lẻ trong Quý 4 dự kiến sẽ tốt hơn so với Quý 3 ở cả tiêu dùng nội địa lẫn khách du lịch do mùa cao điểm lễ hội cuối năm. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam có thể hồi phục trở lại quanh 1.6-1.7 triệu lượt khách/ tháng hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế GDP cả nước. Do đó, PHS dự báo tăng trưởng bán lẻ trong tháng 10 sẽ tiếp tục duy trì quanh mức 1-1.5% so với tháng 9, tương ứng với mức tăng 7.4% svck.

Hoạt động sản xuất cải thiện qua từng Quý.

Mức tăng trưởng IIP toàn ngành công nghiệp theo quý cho thấy quý sau cao hơn quý trước (Quý 3: 10% YoY, Quý 2: 9.9%YoY, Quý 1: 5.9%) là yếu tố chính đã giúp tăng trưởng GDP cả nước đạt được mức tăng trưởng vượt trội trong Quý 3 và 9 tháng năm 2024. Trong đó, tăng trưởng của riêng nhóm Công nghiệp chế biến chế tạo đạt mức tăng trưởng 11.9% svck năm trước (Quý 2: 11.6%, Quý 1: 6%), đã ngang bằng với mức tăng trưởng trước dịch. **PHS tin rằng hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong quý 4 để đáp ứng nhu cầu mùa lễ hội cuối năm. Đây cũng sẽ là yếu tố chính tiếp tục giúp cho tăng trưởng GDP Quý 4 và cả năm của Việt Nam đạt được mục tiêu cao.**

Hoạt động sản xuất trong tháng 9 chậm lại so với tháng 8 do ảnh hưởng của cơn bão Yagi lên khu vực sản xuất phía Bắc trong nửa đầu tháng 9. Tuy nhiên, svck năm trước, tăng trưởng IIP tăng 10.8%, cao hơn mức tăng trưởng của tháng 8 (8.4%).

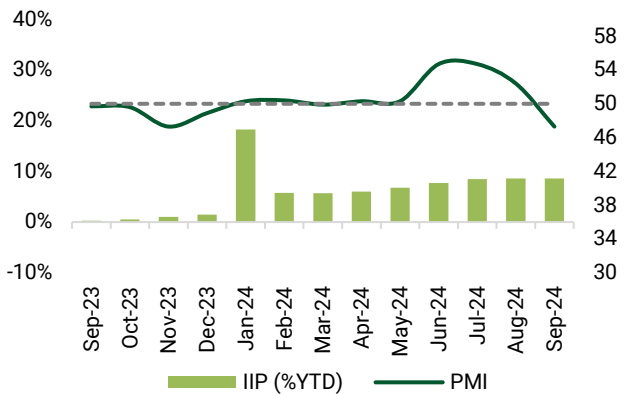
Mức tăng trưởng IIP toàn ngành công nghiệp theo quý cho thấy quý sau cao hơn quý trước (Quý 3: 10% YoY, Quý 2: 9.9%YoY, Quý 1: 5.9%) là yếu tố chính đã giúp tăng trưởng GDP cả nước đạt được mức tăng trưởng vượt trội trong Quý 3 và 9 tháng năm 2024. Trong đó, tăng trưởng của riêng nhóm Công nghiệp chế biến chế tạo đạt mức tăng trưởng 11.9% svck (Quý 2: 11.6%, Quý 1: 6%), cao nhất trong 5 năm. Lũy kế 9 tháng đầu năm, IIP duy trì mức tăng trưởng 8.6% svck năm trước.

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy 3 yếu tố chính tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong 9 tháng 2024 là: (1) nhu cầu thị trường trong nước thấp, (2) tính cạnh tranh của hàng trong nước cao và (3) nhu cầu thị trường hàng quốc tế thấp. Tuy nhiên, dự kiến qua Quý 4, hơn 80% doanh nghiệp khảo sát cho rằng hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ ổn định hoặc tốt hơn so với Quý 3, khối lượng sản xuất và đơn đặt hàng cũng đều sẽ tăng cao hơn so với Quý 3. Điều này cho thấy các doanh nghiệp đang rất tự tin về các triển vọng của nền kinh tế trong tương lai, đây sẽ là yếu tố thúc đẩy họ tăng cường các hoạt động mua hàng và sản xuất trong thời gian tới.

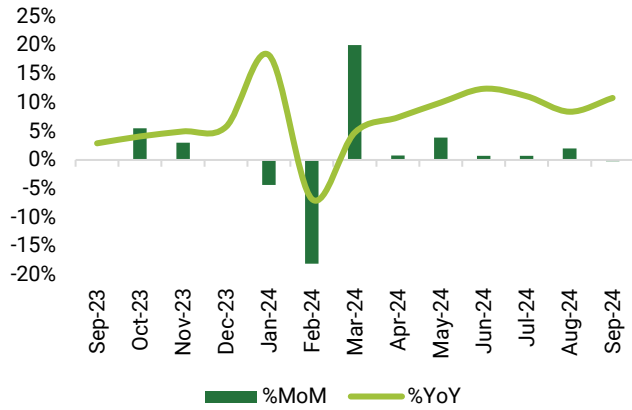
Hình 17: Các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng năm 2024.



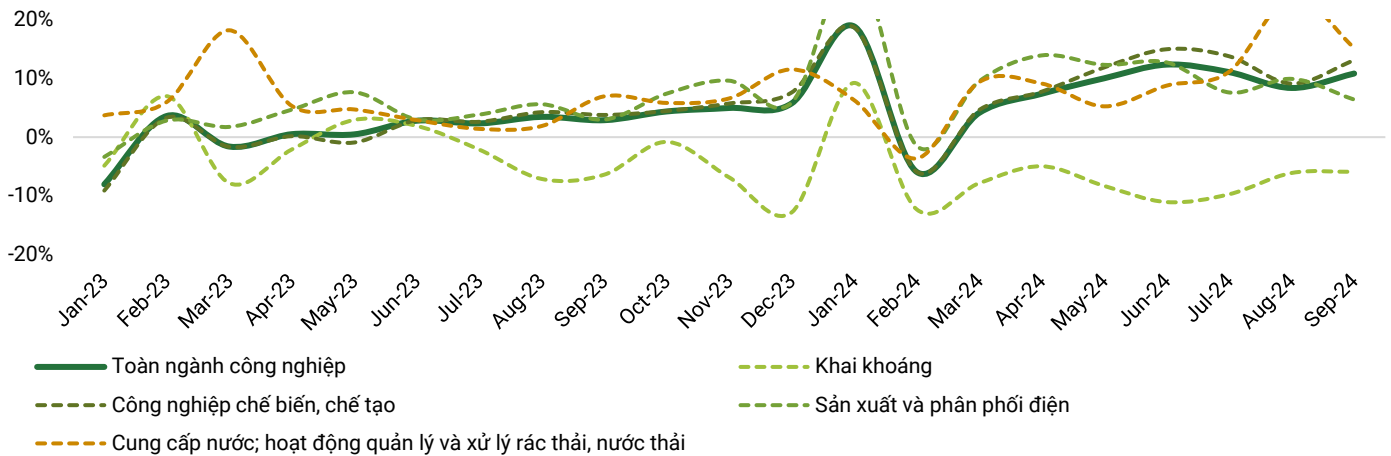
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 18: Tăng trưởng IIP (%YTD) và chỉ số PMI


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 19: Tăng trưởng IIP (%MoM và %YoY)


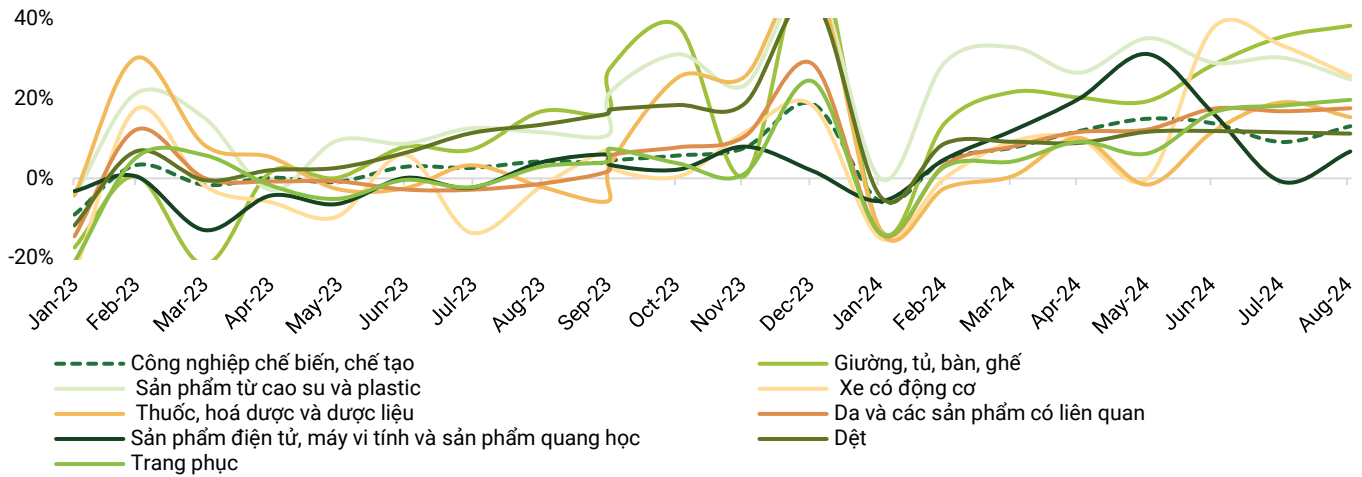
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 20: Tăng trưởng IIP theo nhóm ngành (%YoY).


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất trong tháng 9 do ảnh hưởng của bão lũ nhưng tăng trưởng sản xuất công nghiệp của một số các mặt hàng vẫn ghi nhận mức tăng tốt so với các tháng trước. Hoạt động sản xuất nội thất (giường, tủ, bàn ghế) tăng mạnh liên tiếp trong nhiều tháng nhờ hoạt động xuất khẩu các mặt hàng gỗ ghi nhận mức tăng trưởng hơn 21% svck. Điều này đã giúp cho tăng trưởng IIP của nhóm các mặt hàng nội thất ghi nhận được mức tăng hơn 38% svck năm trước (Hình 21) trong tháng 9 và lũy kế 9 tháng năm 2024 tăng 24.7% svck. Triển vọng sản xuất của mặt hàng này sẽ tiếp tục tích cực hơn trong những tháng cuối năm nhờ nhu cầu thị trường tăng theo thông lệ, khi thị trường nhà ở hoàn thiện và nhu cầu sửa chữa thay thế nội thất gia đình tiếp tục tăng để đón chào năm mới.

Hoạt động sản xuất đồ điện tử có phần chậm lại đi kèm với hoạt động xuất khẩu suy giảm. Điều này cũng đã được chúng tôi đề cập trong báo cáo Ví mô tháng 8 khi “ông lớn” Samsung được cho là đang cắt giảm sản xuất các thiết bị thông minh tại các nhà máy lớn ở Việt Nam do chi tiêu của người tiêu dùng trên toàn cầu suy giảm. Bên cạnh đó, mùa cao điểm sản xuất, ra mắt sản phẩm mới của Samsung cũng đã qua đi, đỉnh điểm là giai đoạn tháng 7. Do đó, việc sụt giảm trong hoạt động sản xuất và xuất khẩu cũng là điều dễ hiểu.

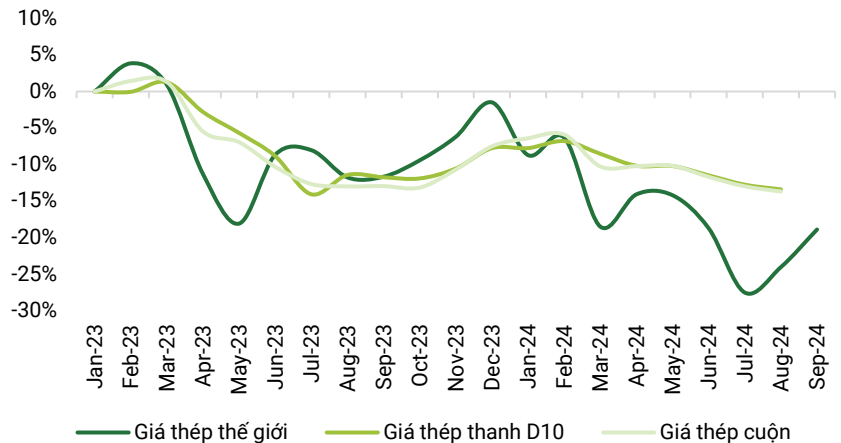
Hình 21: Tăng trưởng IIP theo sản phẩm công nghiệp (%YoY).


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Trong quý 3, sản lượng sản xuất đường kính tiếp tục tăng mạnh svck năm ngoái 250.7%. Giá đường thế giới bật tăng mạnh trở lại trong bối cảnh cháy rừng diễn ra dữ dội tại Brazil - quốc gia chiếm đến 49% lượng đường xuất khẩu trên toàn cầu được cho là “chất xúc tác” giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam tăng hoạt động sản xuất mía đường, phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu. Cùng với đó, Ấn Độ cũng đang duy trì lệnh cấm xuất khẩu đường, Thái Lan giám sát chặt chẽ hoạt động xuất khẩu đường để đảm bảo nguồn cung đường trong nước

Sản lượng **sản xuất của các mặt hàng sắt thép** ghi nhận mức tăng trưởng vượt trội trong Quý 3 (thép cán: 95% YoY, sắt thép thô: 37.4% YoY) nhờ hoạt động xuất khẩu tốt và nhu cầu trong nước cũng có phần hồi phục hơn svck năm trước. Theo CBRE, 8 tháng đầu năm, nguồn cung căn hộ tại Hà Nội và TP HCM tăng lần lượt 30% và 20% svck. Sự hồi phục trong thị trường Bất động sản cũng đã phần nào giúp cho nhu cầu trong nước được cải thiện.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn duy trì quan điểm cho rằng những khó khăn của ngành thép Việt Nam vẫn còn, đặc biệt là trong bối cảnh giá thép liên tục giảm xuống mức thấp do tình hình suy yếu tại thị trường bất động sản Trung Quốc kéo tụt nhu cầu cho các loại vật liệu xây dựng. Các hoạt động áp thuế chống bán phá giá với các nhà sản xuất thép thế giới nói chung và với thép Trung Quốc nói riêng gây dư thừa nguồn cung. Việt Nam cũng không ngoại lệ khi hàng loạt các sản phẩm thép của Việt Nam liên tục bị đánh thuế chống bán phá giá ở nhiều quốc gia nhập khẩu.

Hình 22: Giá thép thế giới và trong nước so với đầu năm 2023.


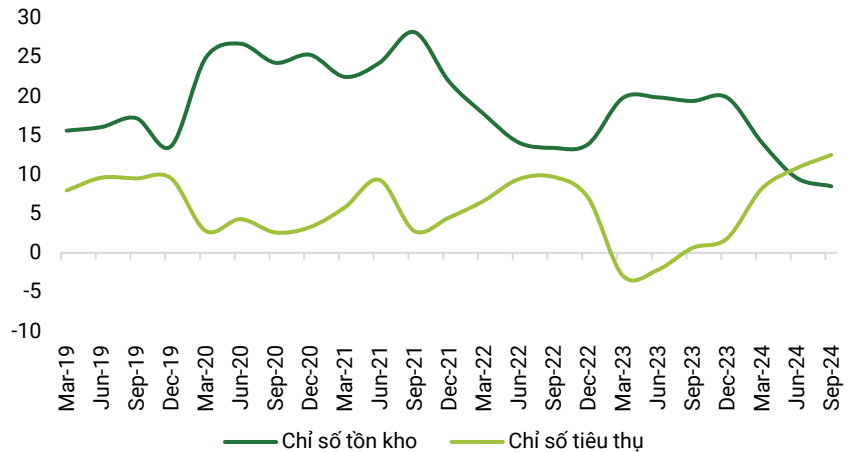
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hoạt động **sản xuất phân bón**, đặc biệt phân NPK ghi nhận mức tăng trưởng 34.2% svck năm ngoài trong Quý 3 và 13.3% trong 9 tháng đầu năm. Phân bón của Việt Nam trong năm 2024 liên tục được các quốc gia đẩy mạnh nhập khẩu. Nguyên nhân lớn đến từ việc Trung Quốc tiếp tục hạn chế xuất khẩu phân bón nhằm kiểm soát giá trong nước, cắt giảm chi phí nông nghiệp và tăng cường an ninh lương thực. Với tình hình xuất khẩu phân bón khởi sắc sau một năm lao dốc, nhiều doanh nghiệp trong ngành phân bón trong nước dự kiến sẽ tiếp tục ghi nhận những kết quả ấn tượng trong báo cáo KQKD Quý 3 và cả năm 2024.

Bảng 2: 10 sản phẩm công nghiệp chính có sản lượng thực hiện ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong Quý 3 2024 (YoY).

	Q1.2024	%YoY Q2.2024	Q3.2024	%YTD YoY
Đường kính	5.2%	142.3%	250.7%	13.5%
Thép cán	40.6%	66.2%	95.0%	16.8%
Sắt, thép thô	-17.7%	-17.4%	37.4%	2.4%
Phân hỗn hợp N.P.K	6.1%	36.8%	34.2%	13.3%
Thức ăn cho thủy sản	7.9%	8.1%	12.3%	1.0%
Khí hoá lỏng (LPG)	-4.8%	7.3%	9.4%	-15.0%
Thủy hải sản chế biến	13.1%	15.3%	8.4%	10.9%
Tivi	-9.9%	12.7%	8.1%	3.6%
Sữa tươi	-7.3%	3.4%	7.4%	2.9%
Điện sản xuất	-1.9%	0.2%	6.7%	10.7%
IIP	5.9%	9.9%	10.0%	8.6%

Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 23: Tăng trưởng tồn kho và tiêu thụ (%YoY)


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

PMI ngành sản xuất của Việt Nam đã giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm trong tháng 9, báo hiệu các điều kiện kinh doanh suy giảm trở lại vào thời điểm cuối Quý 3 của năm, sau khi đã có một giai đoạn tăng trưởng mạnh trước đó. Bão Yagi đã có ảnh hưởng nặng nề lên ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 9 với mưa lớn và lũ lụt dẫn đến đóng cửa hoạt động kinh doanh tạm thời và sự chậm trễ ở các dây chuyền sản xuất và chuỗi cung ứng. Kết quả là, sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới, hoạt động mua hàng và tồn kho hàng hóa đầu vào đều giảm. Tuy nhiên, sự gián đoạn được cho chỉ là tạm thời và các công ty vẫn tự tin vào triển vọng sản xuất, từ đó tăng số lượng việc làm cho phù hợp. Số lượng đơn đặt hàng mới cũng được ghi nhận giảm ở mức tương tự, và nguyên nhân cũng được cho là do ảnh hưởng của bão. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm, nhưng tốc độ giảm chỉ là nhẹ và yếu hơn nhiều so với tốc độ giảm của tổng số lượng đơn đặt hàng mới khi nhu cầu quốc tế đã tăng tương đối tốt. Điều này sẽ là yếu tố hỗ trợ cho sự hồi phục của hoạt động sản xuất trong những tháng tới.

PHS dự kiến sự gián đoạn do cơn bão Yagi gây ra dự kiến chỉ là tạm thời, các nhà sản xuất vẫn lạc quan rằng sản lượng sẽ tăng trong thời gian tới tới. Hơn nữa, chúng tôi cũng đánh giá cao tốc độ hồi phục của sản xuất khi các chính sách được đưa ra kịp thời, từ đó các nhà sản xuất cũng sớm nổi lại hoạt động kinh doanh. Thêm vào đó, chỉ số hàng tồn kho đã giảm xuống mức thấp, trong khi đó chỉ số tiêu thụ đã tăng mạnh lên trong giai đoạn Quý 3. Đây là lần đầu tiên trong 5 năm, tăng trưởng của chỉ số tiêu thụ vượt mức tăng trưởng của chỉ số hàng tồn kho. Do đó, chúng tôi tin rằng hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong quý 4 để đáp ứng nhu cầu mùa lễ hội cuối năm. Đây cũng sẽ là yếu tố chính tiếp tục giúp cho tăng trưởng GDP Quý 4 và cả năm của Việt Nam đạt được mục tiêu cao.

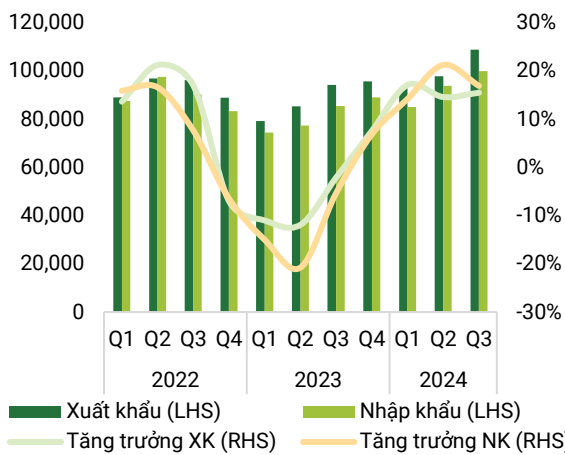
Xuất nhập khẩu – kỷ lục nối tiếp kỷ lục

Hoạt động xuất nhập khẩu trong tháng 9 bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão Yagi. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong tháng 9 đã Không còn giữ được mức bình quân trên 70 tỷ USD/tháng của 2 tháng trước đó. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9 chỉ đạt 34.2 tỷ USD, giảm gần 10% so với tháng 8 nhưng vẫn cao hơn mức bình quân của 6 tháng đầu năm (31.8 tỷ USD). Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu đạt gần 32 tỷ USD, giảm 5.7%

so với tháng trước nhưng vẫn tăng 10% svck năm trước. Cán cân thương mại tháng 9 tiếp tục thặng dư 2.23 tỷ USD, đưa lũy kế 9 tháng 2024 cán cân thương mại thặng dư đạt mức 20.8 tỷ USD.

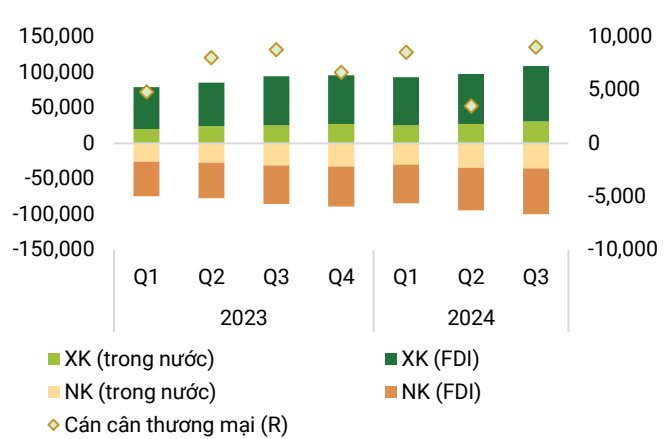
Tính riêng trong Quý 3, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều đã ghi nhận mức kỷ lục từ trước đến nay. Kim ngạch xuất khẩu trong Quý 3 đạt 108.7 tỷ USD, tăng 11.3% so với Quý 2 và tăng 15.3% svck năm ngoái. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu đạt 99.7 tỷ USD, tăng 5.9% so với Quý 2 và tăng 16.6% svck năm trước. Mức thặng dư thương mại trong Quý 3 đạt hơn 9 tỷ USD, cũng là mức cao nhất từ trước đến nay.

Hình 24: Kim ngạch Xuất - nhập khẩu hàng hóa hàng quý (triệu USD)



Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

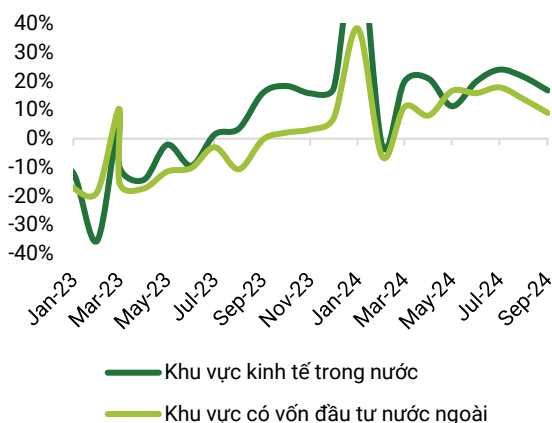
Hình 25: Hoạt động XNK trong nước và FDI (triệu USD)



Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

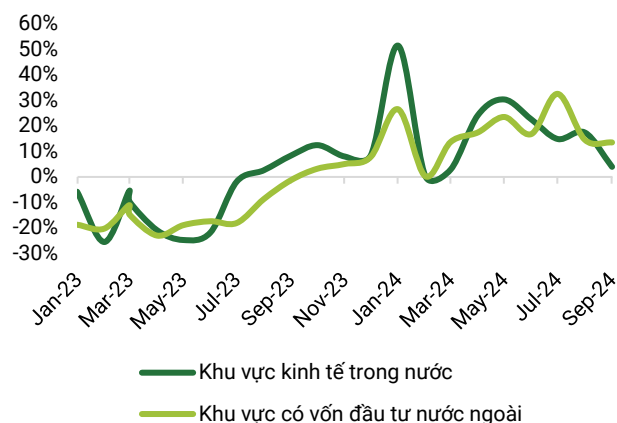
Mặc dù có sự giảm sút trong tháng 9 do tác động của cơn bão số 3 nhưng tính chung 9 tháng năm 2024, hoạt động thương mại, đặc biệt là xuất khẩu vẫn tăng trưởng khả quan. Lũy kế 9 tháng 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 299.65 tỷ USD tăng 15.7% svck năm 2023. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 84.93 tỷ USD, tăng 21.4%, chiếm 28% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 214,72 tỷ USD, tăng 13.6%, chiếm 72%. Hoạt động xuất khẩu của khu vực trong nước cho thấy sự hồi phục một cách đáng kể hơn so với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hình 26: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng tháng theo khu vực (%YoY)



Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Hình 27: Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng tháng theo khu vực (%YoY)



Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Bảng 3: Tình hình thương mại 9 tháng đầu năm.

YTD	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Thặng dư/thâm hụt
	(Triệu USD)	% YoY	(Triệu USD)	%YoY	(Triệu USD)
Tổng	299,650	15.71%	278,842	17.70%	20,808
FDI	214,721	13.60%	177,994	16.43%	36,728
Trong nước	84,929	21.40%	89,899	19.08%	-15,920

Nguồn: Cutsom, PHS tổng hợp

Hoạt động xuất khẩu tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong Quý 3 và dự kiến sẽ tiếp tục tốt hơn trong giai đoạn mua sắm cuối năm trong Quý 4. Trong khi đó, hoạt động nhập khẩu đã bắt đầu chậm lại từ Quý 3 sau khi qua giai đoạn đỉnh điểm nhập khẩu theo yếu tố chu kỳ. Do đó, cán cân thương mại dự kiến sẽ ngày càng thặng dư hơn nữa trong các tháng cuối năm.

Trong 9 tháng 2024, có 30 mặt hàng đã đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đặc biệt, có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66.4%. Trong đó nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện có mức tăng trưởng cao nhất svck gần 27.4%, theo sau là nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng với mức tăng là 22.3% và gỗ & sản phẩm gỗ với mức tăng 21.4%. Nhóm phương tiện vận tải & phụ tùng và điện thoại các loại & linh kiện ghi nhận mức tăng trưởng thấp nhất, lần lượt là 7.53% và 7.64% svck

Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão Yagi nhưng hoạt động xuất khẩu của các sản phẩm sắt thép vẫn tiếp tục ghi nhận hơn 900 triệu USD trong tháng 9, tăng 37.6% svck.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản trong tháng 9 vẫn chưa bị ảnh hưởng quá nhiều mặc dù hàng loạt các báo cáo cho thấy bão Yagi đã gây thiệt hại nặng nề cho các hộ, doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản, dẫn đến các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu thiếu nguyên liệu trầm trọng. Tuy nhiên, các doanh nghiệp xuất khẩu chính của mặt hàng thủy sản tập trung ở khu vực miền Trung và miền Nam, vì vậy, kim ngạch xuất khẩu vẫn duy trì ổn định.

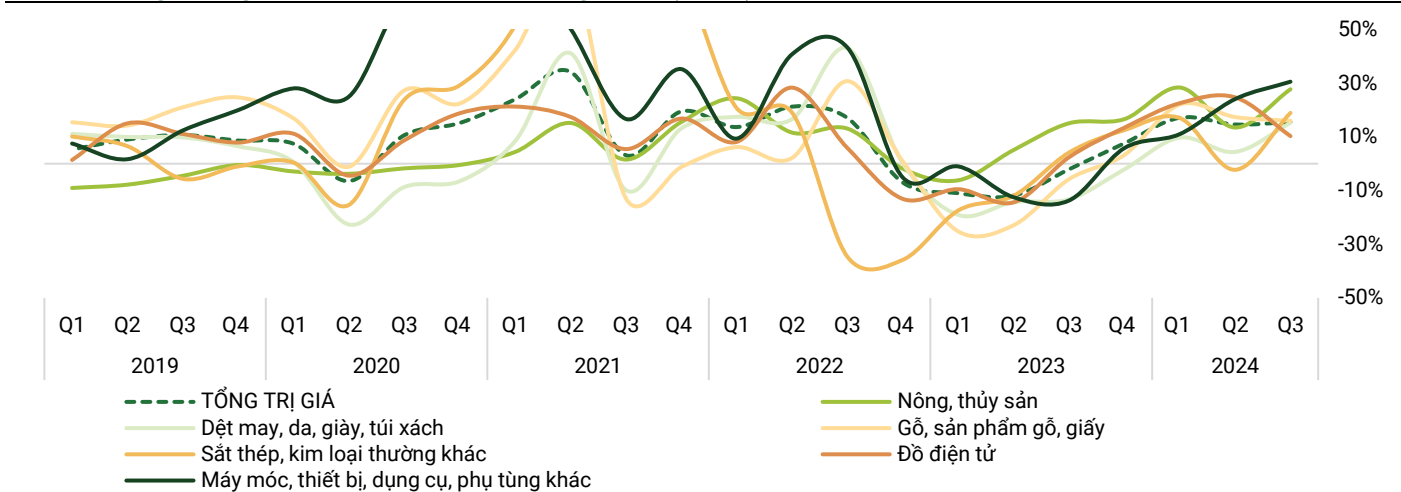
Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may, giày dép trong tháng 9 sụt giảm mạnh so với 2 tháng trước đó gần 20-25%. Tuy nhiên nhu cầu nhập khẩu các nguyên vật liệu dệt may như vải, nguyên phụ liệu dệt may da giày,...vẫn ghi nhận ở mức cao so với các tháng trước và svck năm trước. Theo ghi nhận từ một số doanh nghiệp dệt may thì số lượng đơn hàng xuất khẩu từ nay đến cuối năm đã tăng 30% svck năm ngoái. Các thị trường xuất khẩu lớn chưa thể phục hồi hoàn toàn, nhưng đơn hàng xuất khẩu dự kiến được hưởng lợi khi nhu cầu tiêu dùng tại Mỹ, EU... cải thiện vào dịp mua sắm dịp cuối năm, với nhiều lễ hội lớn. Do đó, PHS tin rằng triển vọng đơn hàng của ngành dệt may là khá tích cực.

Nhu cầu nhập khẩu ô tô nguyên chiếc tăng mạnh trong tháng 9 sau khi Việt Nam ban hành chính sách giảm thuế trước bạ cho xe lắp ráp trong nước có hiệu lực. Doanh số xe nhập khẩu liên tục tăng cao do các hãng xe nhập khẩu liên tục tung ra các chương trình khuyến mại tương đương với mức giảm lệ phí trước bạ của xe lắp ráp trong nước để kéo khách hàng. Svck năm ngoái, lượng ô tô nguyên chiếc nhập khẩu về thị trường Việt tăng mạnh 24.5%, trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 9.8%. Theo đó giá trị bình quân một xe đã giảm đầu đó gần 11% svck năm ngoái. Đây sẽ là thử thách cho các doanh nghiệp lắp ráp xe trong nước sau khi nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ cần phải tìm cách vươn lên giành lại vị thế trên "sân nhà" trước sự ồ ạt của xe nhập khẩu.

Bảng 4: Top 10 sản phẩm Xuất khẩu trong tháng 9.

	Jul-24 (Triệu USD)	Aug-24 (Triệu USD)	Sep-24 (Triệu USD)	%YoY	%YTD YoY
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	5,925	6,760	6,404	17.0%	27.4%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	4,841	4,767	5,029	23.5%	22.3%
Điện thoại các loại & linh kiện	5,434	4,697	4,618	-8.3%	7.6%
Hàng dệt may	3,751	4,076	2,994	15.9%	9.0%
Giày dép các loại	2,143	2,092	1,585	18.4%	12.5%
Gỗ & sản phẩm gỗ	1,415	1,522	1,269	11.4%	21.4%
Phương tiện vận tải & phụ tùng	1,397	1,342	1,103	-9.5%	7.5%
Hàng thủy sản	914	981	922	13.4%	9.5%
Sắt thép các loại	550	843	917	37.6%	33.9%
Rau quả	767	938	731	21.9%	14.6%
Tổng XK	36,752	37,953	34,210	11.1%	15.7%

Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

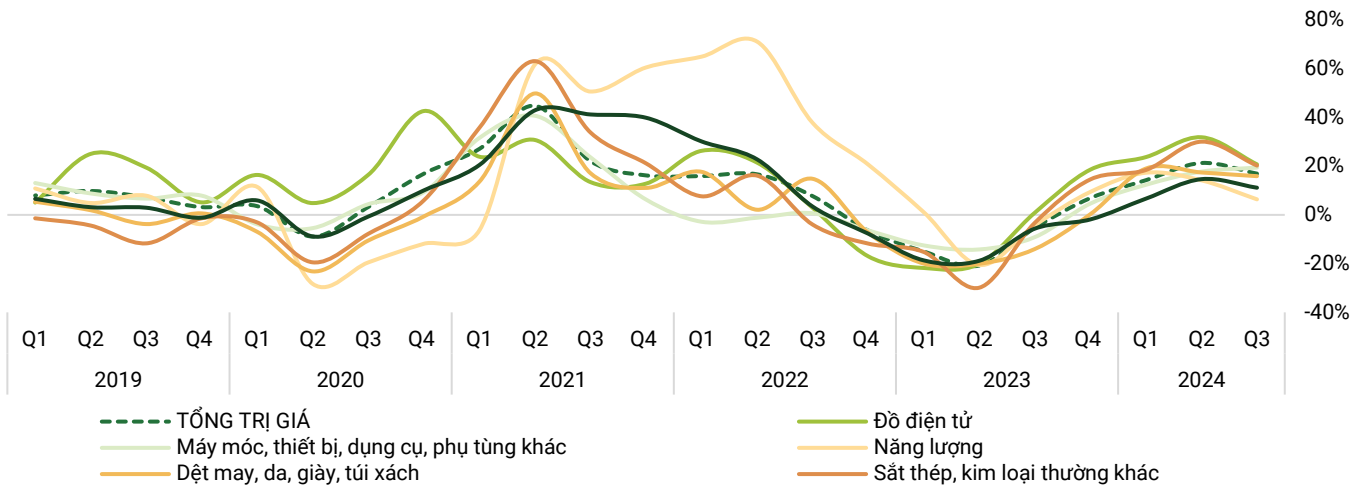
Hình 28: Tăng trưởng Xuất khẩu của các mặt hàng chính (%YoY)


Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Bảng 5: Top 10 sản phẩm Nhập khẩu trong tháng 9.

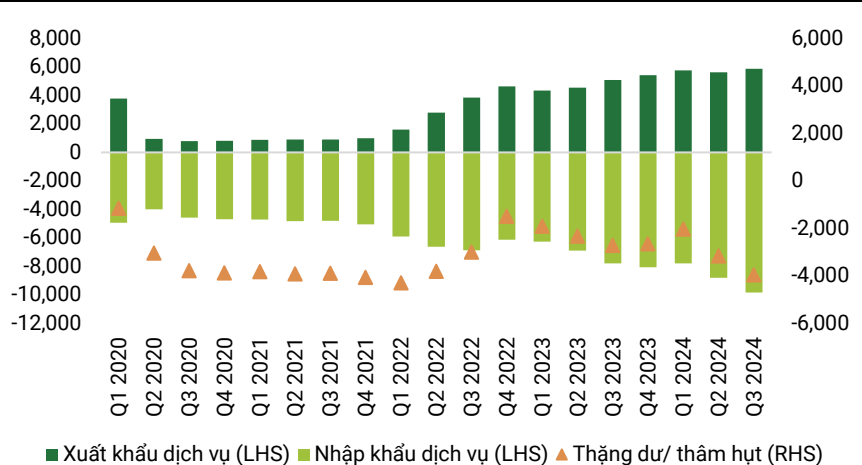
	Jul-24 (Triệu USD)	Aug-24 (Triệu USD)	Sep-24 (Triệu USD)	%YoY	%YTD YoY
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	10,103	9,812	9,879	14.9%	26.2%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	4,450	4,511	4,055	13.2%	16.4%
Vải	1,201	1,241	1,263	14.7%	14.0%
Chất dẻo nguyên liệu	1,023	1,071	944	11.5%	18.1%
Sắt thép các loại	918	1,020	1,065	6.8%	18.2%
Điện thoại các loại & linh kiện	924	909	1,054	10.9%	23.9%
Kim loại thường khác	863	817	751	14.1%	25.6%
Sản phẩm từ chất dẻo	809	784	730	10.4%	16.4%
Hóa chất	724	746	641	-1.4%	11.1%
Ô tô nguyên chiếc	342	298	376	111.8%	9.8%
Tổng NK	34,077	33,902	31,975	10.0%	17.7%

Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Hình 29: Tăng trưởng Nhập khẩu của các mặt hàng chính (%YoY)


Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Xuất khẩu thương mại dịch vụ tăng 4.2% so với Quý 2 và tăng 15.6% svck năm trước. Hoạt động thương mại hàng hóa tích cực đã thúc đẩy tăng trưởng của nhóm vận tải trong Quý 3. Xuất khẩu dịch vụ vận tải trong Quý 3 đạt 1.79 tỷ USD, tăng 11.8% so với Quý 2 và tăng 27.8% svck năm trước. Mức tăng trưởng mạnh trong xuất khẩu dịch vụ vận tải đã bù đắp phần nào cho sự sụt giảm trong xuất khẩu dịch vụ du lịch khi khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong giai đoạn Quý 2 sụt giảm so với 2 Quý đầu năm. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu dịch vụ tiếp tục tăng mạnh trong Quý 3, đạt 9.84 tỷ USD, tăng 11.8% so với Quý 2 và tăng 26.1% svck năm trước, nhu cầu du lịch nước ngoài của người dân trong nước hồi phục cùng với hoạt động nhập khẩu tăng cao là 2 yếu tố chính đã khiến cho nhu cầu nhập khẩu dịch vụ tăng trong giai đoạn Quý 3. Đây cũng là một trong những yếu tố chính khiến cho vấn đề tỷ giá vẫn áp lực cho đến đầu tháng 8.

Hình 30: XNK dịch vụ (triệu USD)


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hoạt động xuất khẩu tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong Quý 3 và dự kiến sẽ tiếp tục tốt hơn trong giai đoạn mua sắm cuối năm trong Quý 4. Trong khi đó, hoạt động nhập khẩu đã bắt đầu chậm lại từ Quý 3 sau khi qua giai đoạn đỉnh điểm nhập khẩu theo yếu tố chu kỳ. Do đó, cán cân thương mại dự kiến sẽ ngày càng thặng dư hơn nữa trong các tháng cuối năm. Việt Nam đã và đang ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong chuỗi

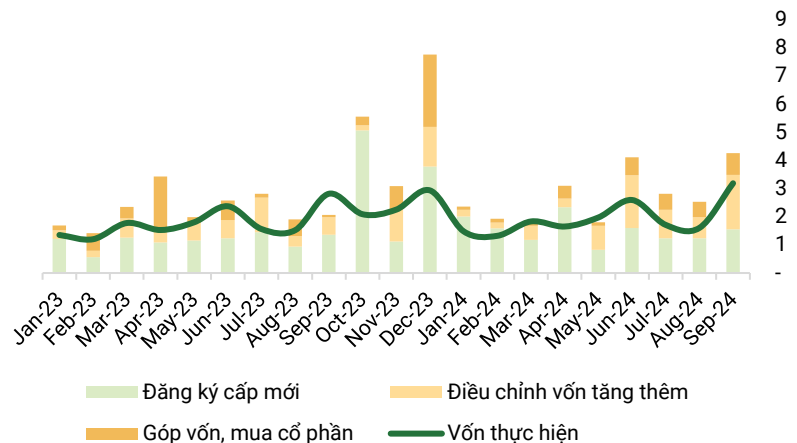
giá trị sản xuất của thế giới và xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư vào Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng. PHS dự kiến tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 2024F dự kiến đạt 780 tỷ USD (+15.4% YoY) & cán cân thương mại đạt thặng dư 22.4 tỷ USD.

Vốn FDI vào thị trường Việt Nam bứt phá khi xu hướng chính sách tiền tệ trở nên rõ nét hơn

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/9/2024 đạt 24.78 tỷ USD, tăng 11.6% svck năm trước. Trong đó vốn đăng ký cấp mới đạt gần 13.55 tỷ USD, tăng 11.3% svck năm trước; vốn đăng ký điều chỉnh đạt 7.64 tỷ USD, tăng 48.1% svck năm trước và vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 3.59 tỷ USD, giảm 26.2% svck năm trước.

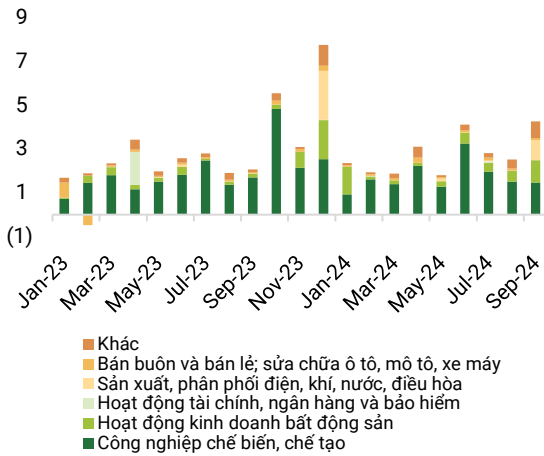
Riêng trong tháng 9, vốn đăng ký FDI ghi nhận mức tăng đột phá, với tổng vốn đăng ký đạt 4.26 tỷ USD, mức cao nhất kể từ đầu năm đến nay và chiếm 17.2% tổng vốn đầu tư cả nước trong 9 tháng. Trong đó, vốn đầu tư tăng thêm đạt 1.93 tỷ USD – cũng là mức cao nhất từ đầu năm đến nay với các dự án được mở rộng vốn lớn. Samsung đã tăng vốn đầu tư khoảng 1.8 tỷ USD vào dự án sản xuất màn hình và linh kiện điện tử của Samsung Display Việt Nam tại khu công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh. Samsung bắt đầu đầu tư vào Bắc Ninh vào năm 2008 với số vốn ban đầu là 670 triệu USD. Sau hơn một thập kỷ, Samsung đã trở thành nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam, với tổng số vốn đầu tư hơn 22.4 tỷ USD, trong đó gần 50% vốn đầu tư tập trung tại Bắc Ninh.

Hình 31: Tổng vốn đăng ký nước ngoài và vốn thực hiện hàng tháng (tỷ USD).

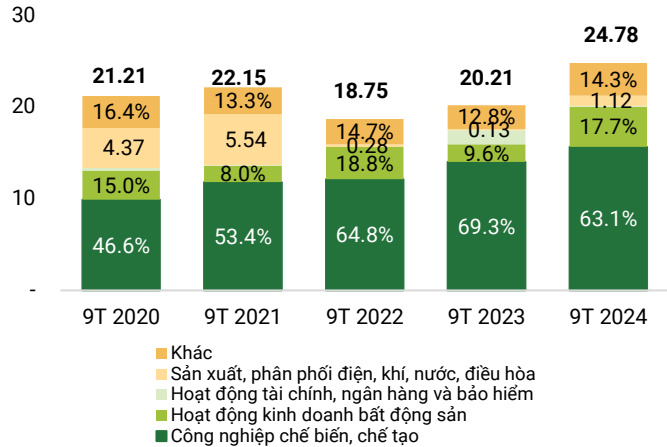


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

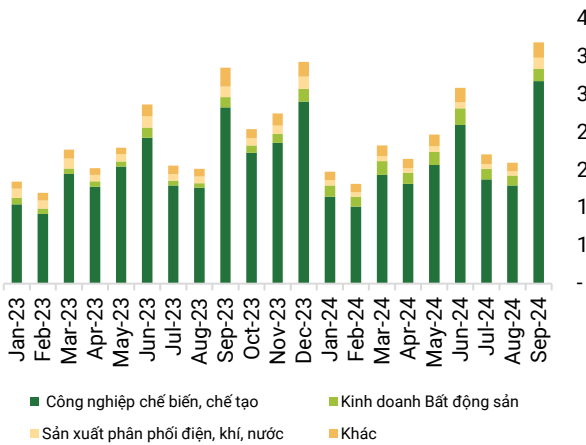
Hoạt động đăng ký và giải ngân FDI hồi phục mạnh mẽ trong giai đoạn tháng 9 phù hợp với những dự báo trước đó của PHS. Hoạt động đầu tư FDI đã và đang đóng một vai trò mạnh mẽ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả nước khi các hoạt động đầu tư công vẫn còn chậm. **Chúng tôi duy trì mục tiêu tích cực với dòng vốn FDI vào Việt Nam, phần đầu cả năm lượng vốn FDI giải ngân tại Việt Nam đạt 24.6 tỷ USD**

Hình 32: Tổng vốn đăng ký đầu tư nước ngoài theo lĩnh vực (tỷ USD).


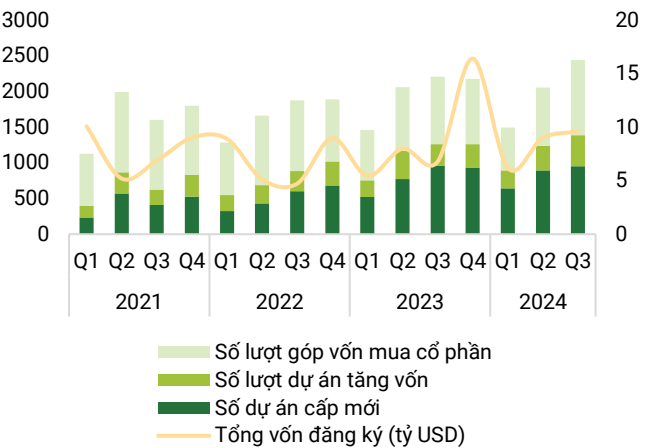
Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Hình 33: Tổng vốn đăng ký theo lĩnh vực trong 9 tháng đầu năm từ 2021-2024 (tỷ USD).


Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Hình 34: Vốn thực hiện theo từng lĩnh vực (tỷ USD).


Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Hình 35: Số lượt dự án đăng ký và giá trị vốn đăng ký bình quân (tỷ USD).


Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Vốn FDI thực hiện trong tháng 9 đạt 3.19 tỷ USD – mức kỷ lục từ trước đến nay, trong đó 84% số vốn được tập trung giải ngân cho lĩnh vực Công nghiệp chế biến chế tạo. Hoạt động giải ngân FDI mạnh mẽ trong giai đoạn cuối Quý 3 đã tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho nền kinh tế trong Quý 3 của Việt Nam.

Trong 9 tháng đầu năm, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 trong 21 ngành kinh tế tại Việt Nam. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 15.64 tỷ USD, chiếm gần 63.1% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm nhẹ 0.4% svck.

Singapore vẫn là quốc gia dẫn đầu trong việc đầu tư vào Việt Nam, với tổng vốn đầu tư trong 9 tháng năm 2024 hơn 7.35 tỉ đô la, chiếm gần 29,7% tổng vốn đầu tư, tăng 69% svck 2023. Trong khi đó, Trung Quốc là đối tác dẫn đầu về số dự án đầu tư mới chiếm 29.3% tổng số lượng dự án mới đăng ký vào Việt Nam trong 9 tháng 2024.

Bắc Ninh – thủ phủ của các doanh nghiệp FDI lớn tại Việt Nam dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 4.5 tỉ đô la trong 9 tháng, chiếm 18.2% tổng vốn đầu tư cả nước, tăng 247.2% svck năm trước. Tiếp theo là TP. Hồ Chí Minh với hơn 1.9 tỷ USD, giảm 15.1% svck Quảng Ninh, BRVT & Bình Dương

lần lượt chiếm các vị trí còn lại trong top 5. Vốn FDI tập trung nhiều vào các tỉnh, thành phố có nhiều lợi thế trong thu hút đầu tư nước ngoài như: cơ sở hạ tầng tốt, nguồn nhân lực ổn định, nỗ lực cải cách thủ tục hành chính và năng động trong công tác xúc tiến đầu tư,... Điều này thể hiện qua mức độ tập trung của vốn FDI với hơn 80% số dự án mới & 73% số vốn đầu tư chỉ tập trung tại 10 tỉnh top đầu.

Bảng 6: Tổng vốn đăng ký đầu tư nước ngoài theo địa phương (triệu USD).

	Sep-24	9M/2024	%YTD YoY
Bắc Ninh	1043	4,513	247.2%
Ninh Thuận	901	1,005	3654.1%
Bình Dương	290	1,651	24.7%
TP. Hồ Chí Minh	152	1,914	-15.1%
Đồng Nai	89	1,414	9.7%
Hà Nội	89	1,565	-39.5%
Bà Rịa - Vũng Tàu	40	1,704	384.4%
Quảng Ninh	35	1,813	102.2%
Hải Phòng	21	1,479	-46.9%
Bắc Giang	14	1,016	-47.2%

Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Bảng 7: Tổng vốn đăng ký đầu tư nước ngoài theo đối tác đầu tư (triệu USD).

	Sep-24	9M/2024	% YTD YoY
Hàn Quốc	1050	2,893	-12.7%
Trung Quốc	951	3,226	-4.5%
Singapore	560	7,350	69.0%
Hồng Kông	183	2,586	27.8%
Đài Loan	92	1,435	-21.7%
Nhật Bản	66	2,585	-13.6%
Hoa Kỳ	44	180	-64.9%
Samoa	36	614	8.6%
Hà Lan	11	161	-79.6%
Thổ Nhĩ Kỳ	0	763	315.9%

Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Hoạt động đăng ký và giải ngân FDI hồi phục mạnh mẽ trong giai đoạn tháng 9 phù hợp với những dự báo trước đó của PHS. Hoạt động đầu tư FDI đã và đang đóng một vai trò mạnh mẽ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả nước khi các hoạt động đầu tư công vẫn còn chậm. Chúng tôi duy trì mục tiêu tích cực với dòng vốn FDI vào Việt Nam, phấn đấu cả năm lượng vốn FDI giải ngân tại Việt Nam đạt 24.6 tỷ USD.

Chi đầu tư công vẫn còn chậm

Tổng thu Ngân sách nhà nước lũy kế 9 tháng đầu năm ước đạt 1,448.2 nghìn tỷ đồng, tăng 18.3% svck và đạt 85.1% kế hoạch. Hoạt động thu ngân sách trong tháng 9 có phần chậm lại, giảm 38.4% so với bình quân 8 tháng đầu năm do nhiều ngành nghề vẫn còn gặp khó khăn, nhiều chính sách giảm thuế, phí, gia hạn vẫn đang được áp dụng đặc biệt là sau cơn bão Yagi.

Tổng chi ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2024 đạt 1,256.3 nghìn tỷ đồng, tăng 1.4% svck năm trước và đạt 59.3% kế hoạch. Hoạt động chi đầu tư công trong tháng 9 mặc dù có nhiều cải thiện với mức giải ngân hơn 47 nghìn tỷ đồng – cao gấp 1.37 lần so với mức bình quân 8 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, lũy kế 9 tháng 2024, chi đầu tư công chỉ mới đạt 47.3% kế hoạch và giảm 11.8% svck.

Thu ngân sách nhà nước vượt kế hoạch trong khi chi tiêu công giảm svck, dẫn đến ngân sách tiếp tục đạt thặng dư cao – 191.9 nghìn tỷ, tạo dư địa cho Chính phủ tiếp tục thực hiện các chính sách tài khóa trong năm 2024 như các chính sách miễn, giảm, giảm thuế, nhất là trong bối cảnh các ngành, lĩnh vực chịu thiệt hại do cơn bão Yagi để lại.

Bảng 8: Thu chi NSNN (tỷ đồng)

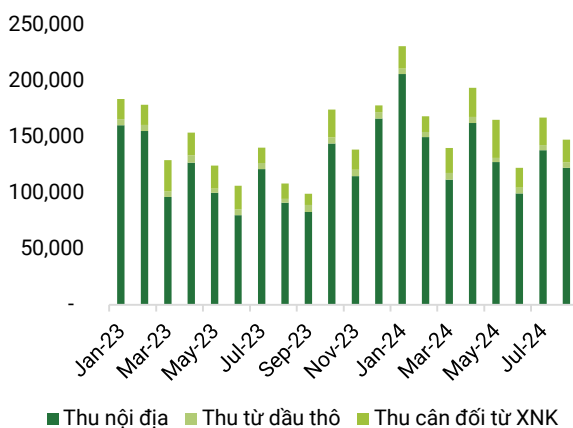
	9T/2024	So với dự toán	Svck	Kế hoạch 2024
Tổng Thu NSNN	1,448,200	85.1%	18.3%	1,700,988
- Thu nội địa (không kể dầu thô)	1,203,100	83.3%	18.7%	1,444,413
- Thu từ dầu thô	44,400	96.5%	-3.5%	46,000
- Thu cân đối từ XNK	200,200	98.1%	22.2%	204,000
Tổng Chi NSNN	1,256,300	59.3%	1.4%	2,119,428
- Chi đầu tư phát triển	320,600	47.3%	-11.8%	677,349
- Chi trả nợ lãi	77,300	69.2%	6.9%	111,714
- Chi thường xuyên	856,500	72.8%	6.8%	1,175,720
Thặng dư/Bội chi NSNN	191,900			-418,440

Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

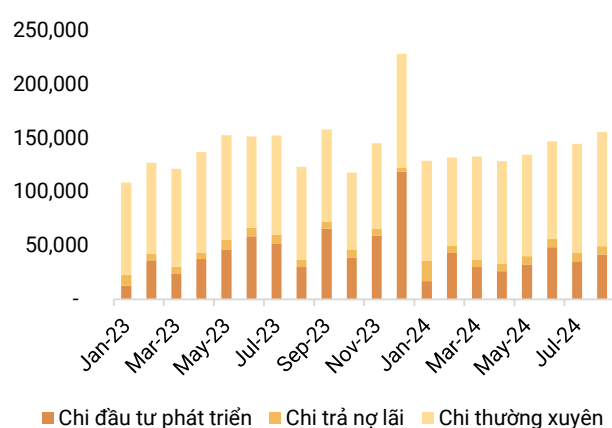
Tính đến thời điểm niên độ ngân sách 2024 kết thúc, chỉ còn hơn 3 tháng nhưng vẫn còn hơn 350 nghìn tỷ đồng chưa được giải ngân theo kế hoạch.

Điều này đặt áp lực giải ngân vốn đầu tư công lên quý cuối năm, đòi hỏi phải dồn lực trong chặng đua nước rút, nếu muốn đạt mục tiêu giải ngân 95% mà Chính phủ đã đặt ra. Đáng nói, giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, địa phương còn giải ngân chậm hơn Trung ương, trong đó có một số địa phương giải ngân dưới 10%. Các tỉnh thành lớn như TPHCM & TP.Hà Nội mặc dù có kế hoạch lớn nhưng tỷ lệ giải ngân cũng chỉ mới đạt lần lượt là 21.29% và 38.88% so với tổng kế hoạch. Ngay từ đầu năm 2024, TP.HCM đã lập các thủ tục để giải ngân công tác giải phóng mặt bằng trong quý 3. Nhưng khi Luật Đất đai có hiệu lực từ 1/8, thì TP.HCM phải dừng lại để điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án do chi phí giải phóng mặt bằng tăng. Điều này đã phần nào làm chậm trễ công tác giải ngân đầu tư công của thành phố.

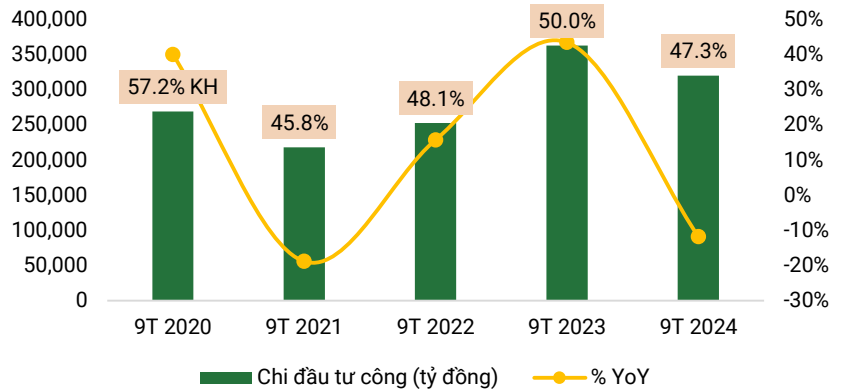
Việc chậm chân trong giải ngân là vấn đề “kinh niên” của Việt Nam trong nhiều năm qua và vẫn chưa thực sự tìm được phương án tháo gỡ. Thủ tướng cũng đã liên tục đưa ra các công điện yêu cầu các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhưng con số thực hiện so với mục tiêu vẫn còn khá xa vời. Mặc dù vậy, chúng tôi kỳ vọng trước tình hình kinh tế đang khó khăn và điều kiện vĩ mô ổn định, Chính phủ sẽ có sự đột phá trong giải ngân công trong giai đoạn tới, đặc biệt khi nhiều hạng mục trọng điểm được “gọi tên” bởi Thủ tướng gần đây.

Hình 36: Thu Ngân sách nhà nước (tỷ đồng)


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 37: Chi Ngân sách nhà nước (tỷ đồng)


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 38: Chi đầu tư công so với kế hoạch trong 9 tháng 2020-2024.


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp.

Tình trạng thiên tai, bão lụt, sạt lở đất nghiêm trọng ở các tỉnh phía Bắc đã phần nào ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công, nhiều dự án phải tạm dừng để khắc phục hậu quả bão lũ, thậm chí chuyển sang thi công sửa chữa hạ tầng hư hỏng. Yếu tố này cũng đã góp phần làm chậm trễ trong quá trình giải ngân đầu tư công của nhiều tỉnh thành khi siêu bão Yagi tác động đến gần 20 tỉnh miền Bắc, miền Trung trong giai đoạn tháng 9 vừa qua. PHS vẫn tin rằng hoạt động giải ngân đầu tư công sẽ tích cực hơn khi các vướng mắc được gỡ bỏ và Chính phủ quyết liệt trong việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công. Tỷ lệ giải ngân đầu tư công trong giai đoạn cuối năm cũng thường sẽ được ghi nhận tăng nhanh hơn so với giai đoạn đầu năm do xu hướng cuối năm các chủ đầu tư thường dồn khối lượng hoàn thành, đến cuối năm mới làm thủ tục giải ngân để giảm số lần phải làm thủ tục thanh toán. Đồng thời, ngoài thúc đẩy chi tiêu công, chúng tôi cho rằng Chính phủ có thể sẽ thực hiện thêm một số chính sách hỗ trợ tài khóa khác trong bối cảnh điều kiện ngân sách đang khá thuận lợi.

Chỉ báo kinh tế	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024	9T.2024	Kế hoạch 2024	Dự báo của PHS
Tăng trưởng GDP (%YoY)	5.7%	6.9%	7.4%	6.8%	6-6.5%	6.5% ▲
CPI bình quân	3.8%	4.4%	3.5%	3.9%	4-4.5%	3.6-3.7% ▼
Công nghiệp chế biến chế tạo/GDP					24.1-24.2%	24.1-24.2%
Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân					4.8-5.3%	4.8-5.3%
Tỷ lệ lao động qua đào tạo					Khoảng 69%	69%
Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	2.6%	2.7%	2.3%	2.5%	Dưới 4%	2.5%
Thu ngân sách nhà nước	+13.6%	+25.2%	+22.9%	+18.3%	Tăng trưởng 5%	+5.0%
Bội chi ngân sách nhà nước/GDP	+5.8%	+2.5%	-0.9%	+2.4%	Dưới -4%	-3.6%
Nợ công/GDP					Dưới 60%	39%
Nợ chính phủ/GDP					Dưới 50%	37%
Nợ nước ngoài quốc gia/GDP					Dưới 50%	38%
Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của chính phủ/ Tổng thu ngân sách					Dưới 25%	21%
Tăng trưởng tín dụng	0.3%	4.2%	4.0%	9.0%	Trên 15%	14%
Giải ngân đầu tư công/ Kế hoạch	13.3%	15.7%	18.3	47.3%	95%	95%
Lũy kế chiều dài đường cao tốc (kilometers)				2,021	3,000	3,000
Kim ngạch Nhập khẩu (%YoY)	14.0%	19.8%	16.6%	17.7%		17.0%
Kim ngạch Xuất khẩu (%YoY)	16.7%	12.5%	15.3%	15.7%		14.0%
Sản xuất công nghiệp (%YoY)	5.9%	9.9%	10.0%	8.6%		8.0%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (%YoY)	8.3%	8.8%	8.4	8.8%		9.0%
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	4.6	6.2	6.5	17.3		24.6

(Nguồn: PHS dự báo & tổng hợp)

▼ **Điều chỉnh giảm**
 ▲ **Điều chỉnh tăng**

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Bùi Thị Quỳnh Nga, Chuyên viên cao cấp phân tích** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060
Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận
3, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068
Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân
Bình, Tp.HCM.
Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401
Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phone: (+84-24) 6 250 9999
Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận
Hai Bà Trưng, Hà Nội
Phone: (+84-24) 3 933 4566
Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng
Phone: (+84-22) 384 1810
Fax: (+84-22) 384 1801